

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 27-5-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Lê Minh Cheo

Bà: Châu Thanh Nguyên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Châu PhoLy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Đỗ Lê Thủy T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 2, ấp , xã L, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Ông Trầm Kim N, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 6-3-2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Đỗ Lê Thủy T trình bày: bà và ông Trầm Kim N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 1-2019, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng được khoảng 02 thì giữa bà và ông N xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông N nhiều lần xúc phạm gia đình bà, mặc dù bà đã nhiều lần hàn gắn bà và ông N ly thân nhau từ tháng 3-2021 đến nay. Nay nhận thấy bà không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng

cùng ông N, bà Đỗ Lê Thủy T xin ly hôn với ông Trầm Kim N.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trầm Kim N trình bày: Ông thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa ông và bà Đỗ Lê Thủy T như bà Tiên trình bày, ông và bà Tiên tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 1-2019, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn, tình cảm vợ chồng giữa ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, và đã ly thân từ tháng 3-2021 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Ngân không thể tiếp tục, bà T xin ly hôn, ông Trầm Kim N đồng ý ly hôn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Đỗ Lê Thủy T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Trầm Kim N, không có con chung; tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trầm Kim N xin được vắng mặt tại phiên tòa

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật:

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa nhận thấy: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N. Sau khi tiến hành hòa giải và tiến hành xác minh bà Tiên và ông Ngân không thực hiện việc đăng ký kết hôn và ông N cũng đồng ý ly hôn. Do đó nhận thấy yêu cầu của bà Tiên đủ cơ sở để chấp nhận không công nhận vợ chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trầm Kim N cư trú tại khóm 1, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trầm Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với ông Ngân.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Lê Thủy T và ông Trầm Kim N được xác lập trên cơ sở tự nguyện sống chung với nhau vào tháng 1-2019, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống vợ chồng, bà T và ông N hạnh phúc được thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục bà Đỗ Lê Thủy T xin ly hôn với ông Trầm Kim N. Ông Trầm Kim N cũng đồng ý ly hôn với bà Đỗ Lê Thủy T.

Theo công văn số 99/UBND-TPHT, ngày 27/4/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cho biết từ ngày 14-01-2019 đến nay bà Đỗ Lê Thủy T và ông Trầm Kim N không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Tiên và ông Ngân được xác lập trên cơ sở tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn, đến thời điểm hiện tại bà T và ông N vẫn chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn, nay bà T xin ly hôn với ông N, ông N cũng đồng ý ly hôn. Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa cũng như tại phiên tòa, mặc dù bà Tiên và ông N đồng ý thuận tình ly hôn nhưng không được công nhận mà căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử quyết định không công nhận bà Đỗ Lê Thủy T và ông Trầm Kim N là vợ chồng.

[4] Về con chung: không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Lê Thủy T và ông Trầm Kim N, khai không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Đỗ Lê Thủy T là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14, Điều 53, của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Không công nhận bà Đỗ Lê Thủy T và ông Trầm Kim N là vợ chồng.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: bà Đỗ Lê Thủy T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Tiên đã nộp theo biên lai thu số 006675 ngày 08 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn
Huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc Lan